ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Biểu 7

THÔNG BÁO

Công khai danh sách cán bộ giảng viên tham gia từng chương trình đào tạo hệ chính quy của cơ sở giáo dục đại học năm học 2017 - 2018

(số liệu tính đến ngày 20/10/2017)

7.1. Chương trình đào tạo số 1: Ngành Công nghệ thông tin

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Vũ Vinh Quang			x			Toán học tính toán	1
2	Quách Xuân Trưởng				x		KHMT	1
3	Bùi Thị Thanh Xuân				x		KHMT	1
4	Phạm Thị Thương				x		KHMT	1
5	Ngô Thị Lan				x		KHMT	1
6	Hà Thị Thanh				x		KHMT	1
7	Nguyễn Thị Linh				x		CNTT	1
8	Nguyễn Thị Tính				x		CNTT	1
9	Nguyễn Kim Sơn				x		CNTT	1
10	Nguyễn Quang Hiệp				x		CNTT	1
11	Bùi Quy Anh				x		CNTT	1
12	Đinh Xuân Lâm				x		CNTT	1
13	Dương Thúy Hường				x		CNTT	1
14	Nguyễn Lan Hương				x		CNTT	1
15	Hoàng Phương Khánh				x		Toán	0,3
16	Lại Văn Trung				x		Toán	0,3
17	Nguyễn T Thanh Huyền				x		Vật lý	0,3
18	Nguyễn Ngọc Tuấn				x		Hoá học	0,3
19	Hoàng Thu Giang				x		Tiếng Anh	0,3
20	Dương Thị Hồng An				x		Tiếng Anh	0,3
21	Nguyễn Thúy Hòa				x		Tiếng Anh	0,3
22	Trần Thị Thủy				x		Triết học	1
23	Nguyễn Thị Hải Anh				x		Văn học	0,2
24	Ngô Mạnh Cường				x		GDTC	0,5
Tổng		***0***	***0***	***1***	***23***	***0***		**17,8**

7.2. Chương trình đào tạo số 2: Ngành Khoa học máy tính

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Đặng Thị Oanh			x			Toán học tính toán	1
2	Trương Hà Hải			x			Toán học tính toán	1
3	Đàm Thanh Phương			x			CS toán học cho tin học	1
4	Nguyễn Hiền Trinh				x		CNTT	1
5	Dương Thị Mai Thương				x		CNTT	1
6	Đoàn Thị Bích Ngọc				x		KHMT	1
7	Mai Văn Hoàn				x		CNTT	1
8	Nguyễn Thị Tuyển				x		KHMT	1
9	Đào Thị Thu				x		KHMT	1
10	Phạm Thế Anh				x		CNTT	1
11	Nguyễn Thị Oanh				x		CNTT	1
12	Trần Hải Thanh				x		CNTT	1
13	Nguyễn Thị Thanh Tâm				x		CNTT	1
14	Hoàng Phương Khánh				x		Toán	0,3
15	Lại Văn Trung				x		Toán	0,3
16	Nguyễn Thị Thanh Huyền				x		Vật lý	0,3
17	Nguyễn Ngọc Tuấn				x		Hoá học	0,3
18	Hoàng Thu Giang				x		Tiếng Anh	0,3
19	Dương Thị Hồng An				x		Tiếng Anh	0,3
20	Nguyễn Thúy Hòa				x		Tiếng Anh	0,3
21	Đỗ Quỳnh Hoa				x		CNXHKH	0,3
22	Nguyễn Thị Hải Anh				x		Văn học	0,2
23	Ngô Mạnh Cường				x		GDTC	0,5
24	Phạm Việt Thịnh					x	GDTC	0,3
Tổng		***0***	***0***	***3***	***20***	***1***		**16,4**

7.3. Chương trình đào tạo số 3: Ngành Kỹ thuật phần mềm

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Nguyễn Văn Núi			x			Khoa học máy tính	1
2	Nguyễn Hồng Tân				x		KHMT	1
3	Tô Hữu Nguyên				x		KHMT	1
4	Trần Văn Khánh				x		CNTT	1
5	Nguyễn Thu Phương				x		CNTT	1
6	Hoàng Thị Cành				x		KHMT	1
7	Nguyễn Tuấn Anh				x		KHMT	1
8	Bùi Anh Tú				x		CNTT	1
9	Dương Thị Quy				x		CNTT	1
10	Nguyễn Thị Dung				x		CNTT	1
11	Đỗ Đình Lực				x		CNTT	1
12	Đào Trần Chung				x		CNTT	1
13	Đỗ Thị Loan				x		CNTT	1
14	Nguyễn Bá Cường					x	CNTT	1
15	Nguyễn Văn Quân					x	CNTT	1
16	Hoàng Phương Khánh				x		Toán	0,4
17	Lại Văn Trung				x		Toán	0,4
18	Nguyễn T Thanh Huyền				x		Vật lý	0,4
19	Nguyễn Ngọc Tuấn				x		Hoá học	0,4
20	Hoàng Thu Giang				x		Tiếng Anh	0,4
21	Dương Thị Hồng An				x		Tiếng Anh	0,4
22	Nguyễn Thúy Hòa				x		Tiếng Anh	0,4
23	Đỗ Quỳnh Hoa				x		CNXHKH	0,3
24	Nguyễn Thị Hải Anh				x		Văn học	0,2
25	Trần Xuân Giang				x		GDTC	0,5
26	Phạm Việt Thịnh					x	GDTC	0,3
Tổng		***0***	***0***	***1***	***22***	***3***		**19,1**

7.4. Chương trình đào tạo số 4: Ngành Hệ thống thông tin

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Nông Thị Hoa			x			KHMT	1
2	Lê Thu Trang				x		KHMT	1
3	Nguyễn Thu Hương				x		KHMT	1
4	Vũ Thị Thúy Thảo				x		KHMT	1
5	Nguyễn Hữu Thái				x		KHMT	1
6	Ngô Thị Lan Phương				x		KHMT	1
7	Phùng Thế Huân				x		KHMT	1
8	Hồ Thị Tuyến				x		CNTT	1
9	Phạm Thị Liên				x		CNTT	1
10	Nguyễn Thu Hương					x	CNTT	1
11	Nguyễn Đức Anh					x	CNTT	1
12	Ngô Mạnh Tưởng				x		Toán	0,3
13	Quách Thị Mai Liên				x		Toán	0,3
14	Nguyễn Thị Nhung				x		Toán	0,3
15	Vũ Hải Yến				x		Vật lý	0,3
16	Nguyễn Thùy Linh			x			Tiếng Anh	0,3
17	Phạm Thúy Hằng				x		Tiếng Anh	0,4
18	Nguyễn T.Phương Hoa				x		Tiếng Anh	0,5
19	Đỗ Quỳnh Hoa				x		CNXHKH	0,4
20	Phạm Thị Hồng Nhung				x		Ngôn ngữ học	0,2
21	Trần Xuân Giang				x		GDTC	0,5
22	Phạm Việt Thịnh					x	GDTC	0,4
Tổng		***0***	***0***	***2***	***17***	***3***		**14,9**

7.5. Chương trình đào tạo số 5: Ngành Truyền thông và Mạng máy tính

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Nguyễn Toàn Thắng			x			Đảm bảo chương trình và toán học cho máy tính, tổ hợp và Mạng máy tính	1
2	Đỗ Đình Cường			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
3	Nguyễn Đức Bình				x		CNTT	1
4	Lê Tuấn Anh				x		KHMT	1
5	Trịnh Văn Hà				x		KHMT	1
6	Phạm Hồng Việt				x		KHMT	1
7	Lương Thị Minh Huế				x		CNTT	1
8	Nguyễn T.Mai Phương				x		CNTT	1
9	Trần Duy Minh				x		KHMT	1
10	Dương Thu Mây				x		CNTT	1
11	Trần Phạm Thái Kiên				x		CNTT	1
12	Vũ Văn Diện				x		CNTT	1
13	Trần Quang Huy				x		CNTT	1
14	Lê Thị Hòa				x		CNTT	1
15	Ngô Mạnh Tưởng				x		Toán	0,3
16	Quách Thị Mai Liên				x		Toán	0,3
17	Nguyễn Thị Nhung				x		Toán	0,3
18	Vũ Hải Yến				x		Vật lý	0,3
19	Nguyễn Thùy Linh			x			Tiếng Anh	0,3
20	Phạm Thúy Hằng				x		Tiếng Anh	0,3
21	Nguyễn T.Phương Hoa				x		Tiếng Anh	0,5
22	Ngô Cẩm Tú				x		Kinh tế chính trị	0,3
23	Phùng Thanh Hoa				x		CNXHKH	0,3
24	Phạm Thị Hồng Nhung				x		Ngôn ngữ học	0,2
25	Trần Minh Liên				x		GDTC	0,3
26	Chu Xuân Tiến				x		GDTC	0,3
27	Vũ Hoàng Sơn				x		GDTC	0,3
Tổng		***0***	***0***	***3***	***24***	***0***		**18,0**

7.6. Chương trình đào tạo số 6: Ngành Công nghệ kỹ thuật ĐTTT

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Phùng Trung Nghĩa			x			Khoa học thông tin	1
2	Nguyễn Anh Tuấn				x		Kỹ thuật điện tử	1
3	Hoàng Quang Trung			x			Kỹ thuật điện tử	1
4	Đoàn Thị Thanh Thảo				x		Kỹ thuật điện tử	1
5	Mạc Thị Phượng				x		Kỹ thuật điện tử	1
6	Nguyễn Thị Ngân				x		Kỹ thuật điện tử	1
7	Đỗ Văn Quyền				x		Kỹ thuật điện tử	1
8	Đỗ Huy Khôi				x		Kỹ thuật điện tử	1
9	Phạm Văn Ngọc				x		Kỹ thuật điện tử	1
10	Trần Thị Xuân				x		CNTT	1
11	Nguyễn Ngọc Dương					x	ĐTVT	1
12	Nguyễn Thanh Tùng				x		Điều khiển và tự động hoá	1
13	Nguyễn Thùy Dung				x		Điều khiển và tự động hoá	1
14	Mai Thị Kim Anh				x		Điều khiển và tự động hoá	1
15	Vũ Chiến Thắng			x			Kỹ thuật viễn thông	1
16	Nguyễn Văn Thắng				x		Kỹ thuật điện tử	1
17	Nguyễn Văn Cường				x		Kỹ thuật điện tử	1
18	Nguyễn T Phương Thanh				x		Kỹ thuật điện tử	1
19	Đinh Quý Long				x		Điều khiển và tự động hoá	1
20	Đào Thị Phượng				x		Kỹ thuật điện tử	1
21	Nguyễn Thị Chinh				x		Kỹ thuật điện tử	1
22	Hoàng Văn Thực				x		Kỹ thuật viễn thông	1
23	Trần Văn Hai					x	CNTT	1
24	Ngô Mạnh Tưởng				x		Toán	0,4
25	Quách Thị Mai Liên				x		Toán	0,4
26	Nguyễn Thị Nhung				x		Toán	0,4
27	Vũ Hải Yến				x		Vật lý	0,4
28	Phan Thị Như Quỳnh				x		Tiếng Anh	0,5
29	Ngô Phương Thùy				x		Tiếng Anh	0,5
30	Nguyễn Mai Linh				x		Tiếng Anh	0,3
31	Ngô Cẩm Tú				x		Kinh tế chính trị	0,3
32	Phùng Thanh Hoa				x		CNXHKH	0,3
33	Phạm Thị Hồng Nhung				x		Ngôn ngữ học	0,2
34	Trần Minh Liên				x		GDTC	0,3
35	Chu Xuân Tiến				x		GDTC	0,3
Tổng		***0***	***0***	***3***	***30***	***2***		**27,3**

7.7. Chương trình đào tạo số 7: Ngành Kỹ thuật máy tính

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Lê Hùng Linh			x			Kỹ thuật ĐK&TĐH	1
2	Ngô Thị Vinh				x		CNTT	1
3	Nguyễn Quốc Bảo				x		CNTT	1
4	Nguyễn Thị Dung				x		Kỹ thuật điện tử	1
5	Nguyễn Thị Thu Hằng				x		CNTT	1
6	Đoàn Ngọc Phương				x		CNTT	1
7	Nguyễn Ngọc Hoan				x		KHMT	1
8	Đào Thị Hằng				x		CNTT	1
9	Đinh Văn Nam				x		CNTT	1
10	Ngô Hữu Huy				x		KHMT	1
11	Nguyễn Thị Thảo				x		Kỹ thuật điện tử	1
12	Cao Thị Trang					x	ĐTVT	1
13	Khoa Thu Hoài				x		Toán	0,3
14	Dương Thị Thu Hương				x		Vật lý	0,3
15	Ma Thị Vân Hà				x		Hoá học	0,3
16	Ngô Cẩm Tú				x		Kinh tế chính trị	0,4
17	Phùng Thanh Hoa				x		CNXHKH	0,4
18	Hoàng Ngọc Bích				x		Triết học	0,4
19	Trương Thị Thu Hằng			x			Tiếng Anh	0,5
20	Trần Thị Hòa				x		Tiếng Anh	0,5
21	Nguyễn T Huyền Trang				x		Tiếng Anh	0,5
22	Phạm Kim Thoa				x		Ngôn ngữ học	0,2
23	Trần Minh Liên				x		GDTC	0,4
Tổng		***0***	***0***	***2***	***20***	***1***		**16,2**

7.8. Chương trình đào tạo số 8: Ngành Kỹ thuật Y sinh

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Nguyễn Hải Minh			x			Khoa học máy tính và Công nghệ	1
2	Nguyễn Thành Trung				x		Kỹ thuật điện tử	1
3	Trịnh Thị Diệp				x		Kỹ thuật điện tử	1
4	Phạm Thành Nam				x		Kỹ thuật viễn thông	1
5	Nguyễn T.Cẩm Nhung				x		Kỹ thuật y sinh	1
6	Trần Đức Hoàng				x		Kỹ thuật y sinh	1
7	Nguyễn Thế Dũng				x		Kỹ thuật y sinh	1
8	Nguyễn Thị Hương Ly				x		CNSH	1
9	Trần Thị Thanh Hương				x		CNSH	1
10	Nguyễn Ngọc Lan				x		Kỹ thuật y sinh	1
11	Hồ Mậu Việt				x		Kỹ thuật y sinh	1
12	Vũ Thúy Hằng				x		Kỹ thuật viễn thông	1
13	Nguyễn Sĩ Hiệp				x		Kỹ thuật viễn thông	1
14	Đoàn Mạnh Cường				x		Kỹ thuật viễn thông	1
15	Phạm Xuân Kiên				x		ĐTVT	1
16	Nguyễn Thị Bích Điệp				x		CNTT	1
17	Đỗ Thị Hiên					x	Kỹ thuật viễn thông	1
18	Nguyễn Văn Thao				x		Kỹ thuật viễn thông	1
19	Khoa Thu Hoài				x		Toán	0,4
20	Đinh Diệu Hằng				x		Toán	0,3
21	Dương Thị Thu Hương				x		Vật lý	0,4
22	Ma Thị Vân Hà				x		Hoá học	0,4
23	Đỗ Thị Nga				x		Hoá học	0,3
24	Bùi Thị Thanh Thủy				x		Tiếng Anh	0,5
25	Hoàng Văn Sáu				x		Tiếng Anh	0,5
26	Bùi Thị Quyên				x		Tiếng Anh	0,5
27	Trần Thùy Linh				x		Triết học	0,3
28	Trịnh Thị Kim Thoa				x		Triết học	0,3
29	Phạm Kim Thoa				x		Ngôn ngữ học	0,2
30	Chu Xuân Tiến				x		GDTC	0,4
Tổng		***0***	***0***	***1***	***28***	***1***		***22,5***

7.9. Chương trình đào tạo số 9: Ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Dương Chính Cương			x			Điều khiển tự động	1
2	Vũ Thành Vinh				x		Kỹ thuật điện tử	1
3	Bùi Văn Tùng				x		Điều khiển tự động hóa	1
4	Phạm Quốc Thịnh				x		Kỹ thuật điện tử	1
5	Nguyễn Anh Đức				x		Tự động hóa	1
6	Nguyễn Văn Giáp				x		Cơ khí chế tạo máy	1
7	Trần Trung Dũng				x		Điện tử viễn thông	1
8	Trần Tuấn Việt				x		Điện tử viễn thông	1
9	Nguyễn Vôn Dim			x			Hệ thống cơ khí và vật liệu	1
10	Lê Mạnh Hữu				x		Điện - TĐH XNCN	1
11	Đào Tô Hiệu				x		ĐTVT	1
12	Đặng Văn Ngọc				x		CN kỹ thuật ĐK&TĐH	1
13	Nguyễn Văn Dương				x		Kỹ thuật điện tử	1
14	Trần Xuân Trọng				x		Điện - TĐH XNCN	1
15	Đào Quang Bình				x		Điện - TĐH XNCN	1
16	Nguyễn Thị Hiền				x		Điện - TĐH XNCN	1
17	Trần Văn Dũng					x	Điện tử viễn thông	1
18	Lương Quang Huy					x	Cơ khí chế tạo máy	1
19	Hoàng Thị Hải Yến				x		Tự động hóa	1
20	Bùi Lệ Thủy					x	Tự động hóa	1
21	Nguyễn Ngọc Ánh				x		Kỹ thuật ĐK&TĐH	1
22	Tống Ngọc Linh					x	Kỹ thuật cơ khí	1
23	Nguyễn Duy Khánh					x	CNTT	1
24	Lê Hồng Thu				x		Tự động hóa	1
25	Phạm Xuân Thủy					x	Tự động hóa	1
26	Trần Hồng Hải					x	CNTT	1
27	Khoa Thu Hoài				x		Toán	0,3
28	Dương Thị Thu Hương				x		Vật lý	0,3
29	Ma Thị Vân Hà				x		Hoá học	0,3
30	Phan Thị Như Quỳnh				x		Tiếng Anh	0,5
31	Ngô Phương Thùy				x		Tiếng Anh	0,5
32	Nguyễn Mai Linh				x		Tiếng Anh	0,3
33	Trần Thùy Linh				x		Triết học	0,3
34	Phạm Kim Thoa				x		Ngôn ngữ học	0,2
35	Vũ Hoàng Sơn				x		GDTC	0,3
Tổng		***0***	***0***	***2***	***26***	***7***		**29,0**

7.10. Chương trình đào tạo số 10: Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Nguyễn Duy Minh			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
2	Phạm Đức Long			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
3	Nguyễn Thị Thanh Bình			x			TĐH	1
4	Phạm Thị Hồng Anh				x		TĐH	1
5	Nguyễn Thị Thu Hiền				x		TĐH	1
6	Vũ Thị Oanh				x		TĐH	1
7	Hoàng Thị Thương				x		TĐH	1
8	Lê Văn Chung				x		TĐH	1
9	Đặng Thị Loan Phượng				x		TĐH	1
10	Trịnh Thúy Hà				x		TĐH	1
11	Bùi Tuấn Anh				x		TĐH	1
12	Đỗ Thị Mai				x		TĐH	1
13	Bùi Thu Thủy				x		TĐH	1
14	Lê Thị Thu Phương				x		TĐH	1
15	Nguyễn Công Khoa				x		TĐH	1
16	Lê Thị Thu Huyền				x		TĐH	1
17	Vũ Thạch Dương				x		TĐH	1
18	Đỗ Văn Chuyên				x		KHMT	1
19	Kim Đình Thái				x		TĐH	1
20	Nguyễn Xuân Kiên					x	TĐH	1
21	Đinh Diệu Hằng				x		Toán	0,3
22	Trịnh Ngọc Hiến				x		Vật lý	0,3
23	Đỗ Thị Nga				x		Hoá học	0,3
24	Bùi Thị Thanh Thủy				x		Tiếng Anh	0,5
25	Bùi Thị Quyên				x		Tiếng Anh	0,5
26	Trần Thùy Linh				x		Triết học	0,4
27	Phạm Kim Thoa				x		Ngôn ngữ học	0,2
28	Ngô Văn Mạnh				x		GDTC	0,3
Tổng		***0***	***0***	***3***	***24***	***1***		***22,8***

7.11. Chương trình đào tạo số 11: Ngành Hệ thống thông tin quản lý

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Đào Thế Huy			x			Quản trị kinh doanh	1
2	Lê Quang Đăng				x		Quản trị kinh doanh	1
3	Đỗ Năng Thắng				x		Tài chính ngân hàng	1
4	Trần Thu Phương				x		Quản trị kinh doanh	1
5	Trần Thị Nhung				x		Quản trị kinh doanh	1
6	Nguyễn Thị Hằng				x		Địa kinh tế Công nghệ thông tin Quản trị kinh doanh	1
7	Phan Thị Thanh Huyền				x		Kế toán doanh nghiệp	1
8	Hồ Thanh Hương				x		Kế toán doanh nghiệp	1
9	Đinh Thị Ngọc Oanh				x		Kế toán doanh nghiệp	1
10	Đặng Thị Vân Anh					x	Tài chính - Ngân hàng	1
11	Nguyễn Tiến Mạnh				x		Kế toán tổng hợp	1
12	Đặng Thương Hoài Linh				x		Luật quốc tế	1
13	Phan Thị Vân Giang				x		Kinh tế	1
14	Lê Thị Hằng				x		HTTT quản lý	0,5
15	Đỗ Thị Quyên				x		HTTT quản lý	0,5
16	Nguyễn Ngọc Quỳnh					x	HTTT quản lý	0,5
17	Lê Anh Tú				x		Công nghệ thông tin	0,5
18	Nguyễn Thu Hằng				x		Công nghệ thông tin	0,5
19	Nguyễn Văn Giáp				x		CNTT, Kinh tế	0,5
20	Đàm Thị Phương Thảo				x		HTTT quản lý	0,5
21	Nguyễn Thị Kim Tuyến				x		HTTT quản lý	0,5
22	Lý Thu Trang				x		HTTT quản lý	0,5
23	Nguyễn Thùy Linh			x			Tiếng Anh	0,4
24	Hoàng Văn Sáu				x		Tiếng Anh	0,5
25	Trịnh Thị Kim Thoa				x		Triết học	0,4
26	Đỗ Thị Bích Loan					x	Quan hệ công chúng	0,2
27	Vũ Hoàng Sơn				x		GDTC	0,4
		0	*0*	*2*	*22*	*3*		*19,4*

7.12. Chương trình đào tạo số 12: Ngành Quản trị văn phòng

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Trương Tuấn Linh			x			Kinh tế nông nghiệp và nguồn lực	1
2	Bùi Ngọc Tuấn			x			Quản lý giáo dục	1
3	Mai Ngọc Anh				x		Kinh tế	1
4	Đinh Thị Nguyên				x		Quản trị kinh doanh	1
5	Lê Hoài Giang				x		Lưu trữ & QTVP	1
6	Hà Văn Vương					x	Khoa học quản lý	1
7	Bùi Lê Hà Ninh				x		HTTT quản lý	1
8	Tạc Thị Minh Huyền					x	Quản trị văn phòng	1
9	Trần Hồng Thái					x	Khoa học quản lý	1
10	Phan Thị Hiền					x	Khoa học quản lý	1
11	Đỗ Thị Diệu Thu					x	Hành chính học	1
12	Bùi Quỳnh Trang					x	Quản trị văn phòng	1
13	Lã Thị Quỳnh Mai					x	Công tác xã hội	1
14	Đỗ Văn Đại				x		Công nghệ thông tin	0,5
15	Trần Thị Hòa				x		Tiếng Anh	0,5
16	Phạm Thúy Hằng				x		Tiếng Anh	0,3
17	Đặng Thị Kim Dung				x		Triết học	0,3
18	Đỗ Thị Bích Loan					x	Quan hệ công chúng	0,2
19	Nông Văn Đồng				x		GDTC	0,4
Tổng		***0***	***0***	***2***	***9***	***8***		***15,2***

7.13. Chương trình đào tạo số 13: Ngành Thương mại điện tử

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Nguyễn Văn Huân			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
2	Vũ Xuân Nam				x		HTTTQL	1
3	Lê Triệu Tuấn				x		Công nghệ thông tin	1
4	Nguyễn Thị Thanh Thủy				x		Kinh tế	1
5	Nguyễn T Thanh Huyền				x		Quản trị kinh doanh	1
6	Ngô Mai Phương					x	Tài chính ngân hàng	1
7	Nguyễn Thanh Tùng					x	Tài chính ngân hàng	1
8	Nguyễn Văn Giáp				x		CNTT, Kinh tế	0,5
9	Đàm Thị Phương Thảo				x		HTTT quản lý	0,5
10	Nguyễn Thị Kim Tuyến				x		HTTT quản lý	0,5
11	Lý Thu Trang				x		HTTT quản lý	0,5
12	Nguyễn Thu Hằng				x		Công nghệ thông tin	0,5
13	Lê Anh Tú				x		Công nghệ thông tin	0,5
14	Nguyễn Ngọc Quỳnh					x	HTTT quản lý	0,5
15	Đỗ Thị Quyên				x		HTTT quản lý	0,5
16	Đỗ Văn Đại				x		Công nghệ thông tin	0,5
17	Lê Thị Hằng				x		HTTT quản lý	0,5
18	Nguyễn T Huyền Trang				x		Tiếng Anh	0,5
19	Nguyễn Mai Linh				x		Tiếng Anh	0,4
20	Đặng Thị Kim Dung				x		Triết học	0,4
21	Phạm Thị Hồng Nhung				x		Ngôn ngữ học	0,2
22	Ngô Văn Mạnh				x		GDTC	0,4
Tổng		***0***	***0***	***1***	***18***	***3***		***13,9***

7.14. Chương trình đào tạo số 14: Ngành Truyền thông đa phương tiện

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Nguyễn Văn Tới			x			Tin học và UD	1
2	Hà Mạnh Hùng				x		Đa phương tiện	1
3	Hà Mỹ Trinh				x		Khoa học máy tính	1
4	Tạ Thị Thảo				x		Công nghệ thông tin	1
5	Trần Nguyễn Duy Trung					x	Thiết kế nội thất	1
6	Nguyễn Quang Minh				x		Mỹ thuật	1
7	Lê Sơn Thái				x		Công nghệ thông tin	1
8	Lương Thị Thu Hà				x		Công nghệ thông tin	1
9	Mã Văn Thu				x		Công nghệ thông tin	1
10	Nguyễn Thị Thanh Giang				x		Toán	0,5
11	Phạm Văn Hảo				x		Vật lý	0,5
12	Trương Thị Thu Hằng			x			Tiếng Anh	0,5
13	Đặng Phương Mai				x		Tiếng Anh	0,5
14	Trịnh Thị Kim Thoa				x		Triết học	0,3
15	Phạm Thị Hồng Nhung				x		Ngôn ngữ học	0,2
16	Mai Văn Phi				x		GDTC	0,4
Tổng		***0***	***0***	***2***	***13***	***1***		***11,9***

7.15. Chương trình đào tạo số 15: Ngành Thiết kế đồ họa

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Đỗ Thị Bắc			x			Cơ sở toán học cho tin học	1
2	Đỗ Thị Phượng				x		Khoa học máy tính	1
3	Nguyễn Lan Oanh				x		Khoa học máy tính	1
4	Nguyễn Văn Việt				x		Công nghệ thông tin	1
5	Trịnh Ngọc Hà				x		Hội họa	1
6	Dương Thị Thúy Nga					x	Thiết kế đồ họa	1
7	Phạm Thị Ngọc Anh					x	Thiết kế thời trang	1
8	Vũ Sơn Tùng					x	Thiết kế đồ họa	1
9	Đinh Diệu Hằng				x		Toán	0,4
10	Phạm Văn Hảo				x		Vật lý	0,5
11	Trịnh Ngọc Hiến				x		Vật lý	0,3
12	Đỗ Thị Nga				x		Hoá học	0,4
13	Đặng Phương Mai				x		Tiếng Anh	0,5
14	Nguyễn Thị Duyên				x		Tiếng Anh	0,4
15	Hoàng Ngọc Bích				x		Triết học	0,3
16	Lê Thị Hường				x		NN và chính quyền	0,5
17	Phạm Kim Thoa				x		Ngôn ngữ học	0,2
18	Mai Văn Phi				x		GDTC	0,3
	Tổng	***0***	***0***	***1***	***14***	***3***		***11,8***

7.16. Chương trình đào tạo số 16: Ngành Công nghệ Truyền thông

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Vũ Đức Thái			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
2	Nguyễn Thị Thanh Nhàn				x		Công nghệ thông tin	1
3	Nguyễn Thị Lan Anh				x		Công nghệ thông tin	1
4	Trần Lâm				x		Công nghệ thông tin	1
5	Nguyễn Thị Duyên				x		Công nghệ thông tin	1
6	Đỗ Thị Chi				x		Công nghệ thông tin	1
7	Nguyễn Thị Huyền Chinh				x		Báo chí	1
8	Lã Thùy Linh					x	Báo chí	1
9	Đỗ Thị Bích Loan					x	Báo chí	0,6
10	Trương Thị Phương					x	Báo chí	1
11	Nguyễn Tú An					x	Quan hệ quốc tế	1
12	Phan Thị Cúc				x		Công nghệ thông tin	1
13	Lê Anh Dũng					x	Xuất bản học	1
14	Nguyễn Thùy Trang				x		Toán	1,0
15	Trần Minh Thành				x		Tiếng Anh	0,5
16	Nguyễn Thị Duyên				x		Tiếng Anh	0,3
17	Hoàng Ngọc Bích				x		Triết học	0,3
18	Lê Thị Hường				x		NN và chính quyền	0,5
19	Nguyễn Thị Hải Anh				x		Văn học	0,2
20	Mai Văn Phi				x		GDTC	0,3
21	Nông Văn Đồng				x		GDTC	0,3
Tổng		***0***	***0***	***1***	***15***	***5***		***16,0***

7.17. Chương trình đào tạo số 17: Ngành An toàn thông tin

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Nguyễn Văn Tảo			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
2	Lê Khánh Dương				x		Khoa học máy tính	1
3	Đỗ Văn Toàn				x		Khoa học máy tính	1
4	Nguyễn Anh Chuyên				x		Công nghệ thông tin	1
5	Lê Hoàng Hiệp				x		Công nghệ thông tin	1
6	Vũ Huy Lượng				x		Công nghệ thông tin	1
7	Trịnh Minh Đức				x		Công nghệ thông tin	1
8	Vũ Thị Nguyệt				x		Công nghệ thông tin	1
9	Nguyễn Văn Linh				x		Công nghệ thông tin	1
10	Nguyễn Thanh Tùng				x		An toàn thông tin	1
11	Đinh Khánh Linh				x		Công nghệ thông tin	1
12	Nguyễn Tuấn Hiệp					x	Công nghệ thông tin	1
13	Võ Văn Trường				x		Công nghệ thông tin	1
14	Vũ Việt Dũng					x	Công nghệ thông tin	1
15	Phạm Hải Cường					x	Công nghệ thông tin	1
16	Nguyễn T Thanh Giang				x		Toán	0,5
17	Trịnh Ngọc Hiến				x		Vật lý	0,4
18	Nguyễn Thị Duyên				x		Tiếng Anh	0,3
19	Trần Minh Thành				x		Tiếng Anh	0,5
20	Đặng Thị Kim Dung				x		Triết học	0,3
21	Nguyễn Thị Hải Anh				x		Văn học	0,2
22	Ngô Văn Mạnh				x		GDTC	0,3
23	Nông Văn Đồng				x		GDTC	0,3
Tổng		***0***	***0***	***1***	***19***	***3***		***17,8***

7.18. Chương trình đào tạo bậc cao học: Chuyên ngành Khoa học máy tính

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Nguyễn Văn Tảo			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
2	Vũ Vinh Quang			x			Toán học tính toán	1
3	Nguyễn Văn Núi			x			Khoa học máy tính	1
4	Đặng Thị Oanh			x			Toán học tính toán	1
5	Nguyễn Văn Huân			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
6	Trương Hà Hải			x			Toán học tính toán	1
7	Nông Thị Hoa			x			Công nghệ thông tin	1
8	Đàm Thanh Phương			x			CS toán học cho tin học	1
9	Đỗ Đình Cường			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
10	Nguyễn Hải Minh			x			Khoa học máy tính và Công nghệ	1
11	Nguyễn Toàn Thắng			x			Đảm bảo chương trình và toán học cho máy tính, tổ hợp và Mạng máy tính	0,5
12	Đỗ Thị Bắc			x			CS toán học cho tin học	0,5
Tổng		***0***	***0***	***9***	***0***	***0***		***11,0***

7.19. Chương trình đào tạo bậc cao học: Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Vũ Đức Thái			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
2	Nguyễn Thị Thanh Bình			x			Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	1
3	Phạm Đức Long			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
4	Nguyễn Duy Minh			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
5	Nguyễn Vôn Dim			x			Hệ thống cơ khí và vật liệu	1
6	Lê Hùng Linh			x			KT Điều khiển và TĐH	0,5
7	Dương Chính Cương			x			Điều khiển tự động	0,5
Tổng		***0***	***0***	***7***	***0***	***0***		***6,0***

7.20. Chương trình đào tạo bậc cao học: Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Vũ Chiến Thắng			x			Kỹ thuật viễn thông	1
2	Hoàng Quang Trung			x			Kỹ thuật điện tử	1
3	Phùng Trung Nghĩa			x			Khoa học thông tin	1
4	Nguyễn Văn Tới			x			Tin học và UD	1
5	Nguyễn Toàn Thắng			x			Đảm bảo toán học và chương trình cho máy tính và mạng truyền thông	0,5
6	Đỗ Thị Bắc			x			Công nghệ thông tin	0,5
7	Dương Chính Cương			x			Tự động hóa	0,5
8	Lê Hùng Linh			x			Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	0,5
Tổng		***0***	***0***	***7***	***0***	***0***		***6,0***

7.21. Chương trình đào tạo bậc tiến sĩ: Chuyên ngành Khoa học máy tính

STT	Họ tên	Học hàm		Học vị			Ngành/Chuyên ngành	Hệ số tham gia giảng dạy trong CTĐT
		Giáo sư	P.GS	TSKH, TS	Thạc sĩ	Đại học		
1	Nguyễn Văn Tảo			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
2	Vũ Vinh Quang			x			Toán học tính toán	1
3	Vũ Đức Thái			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
4	Phạm Đức Long			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
5	Nguyễn Duy Minh			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
6	Đặng Thị Oanh			x			Toán học tính toán	1
7	Nguyễn Văn Huân			x			Đảm bảo toán học cho máy tính và HTTT	1
8	Trương Hà Hải			x			Toán học tính toán	1
9	Phùng Trung Nghĩa			x			Khoa học thông tin	1
10	Nguyễn Hải Minh			x			Khoa học máy tính và Công nghệ	1
11	Nguyễn Toàn Thắng			x			Đảm bảo chương trình và toán học cho máy tính, tổ hợp và Mạng máy tính	1
Tổng		***0***	***0***	***11***	***0***	***0***		***11,0***

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Quý Dương

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TS. Nguyễn Văn Tảo